

Số: 89/2026/QĐST-HNGĐ

Q, ngày 30 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 124/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: ông Phạm Văn C, sinh năm 1965.

Nơi thường trú: khu B, phường Đ, tỉnh Q.

- Bị đơn: bà Đào Thị P, sinh năm 1973.

Nơi thường trú: khu T, phường A, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22/7/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Văn C và bà Đào Thị P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về án phí: ông Phạm Văn C tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000101 ngày 08/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Q. Ông Phạm Văn C được trả lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND khu vực 5 - Q;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Q;
- UBND phường Đ, tỉnh Q
(nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Tuấn Anh